

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v tranh chấp về HN & GD- ly hôn,
nuôi con, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Bà Phan Thị Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân & gia đình – Ly hôn, nuôi con, nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 232, Tổ 15, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị H là anh Trần Hà Xuân P, sinh năm 1976 – Chi nhánh Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kinh Thương Luật – Thuộc đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 182, Ấp 3, xã Ph, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (luật sư có mặt).

Bị đơn: Phạm Thanh X, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 232, Tổ 15, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Thị Tuyết H, sinh năm: 1963 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Số 284, Phạm Thị Nhị, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Nga E, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 286, Phạm Thị Nhị, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ngân hàng chính sách xã hội Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 19, Lý Thường Kiệt, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ Nữ, Số 20 Nguyễn Đăng Giai, phường Th, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2021, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh X cưới nhau năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cao Lãnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/KH ngày 24/5/2007.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 1998, chị H thường bị anh X bạo hành nhiều lần do ghen tuông mù quáng.

Đến ngày 05/4/2020 anh X tiếp tục đánh chị vô cớ và được Công an xã M giải quyết, anh Xuân viết cam kết với Công an không đánh chị nữa. Lần gần nhất anh X đánh chị gãy tay phải nằm viện là vào khoảng tháng 4 năm 2020 nên chị và anh X đã sống ly thân và chị nộp đơn xin ly hôn với anh X tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 15/5/2020 nhưng sau khi Thẩm phán mời chị và anh X đến Tòa để hòa giải và động viên vợ chồng nên hàn gắn tình cảm nhằm chăm lo cho các con. Do đó, chị đồng ý cho anh X một cơ hội sửa đổi tính tình và chị đã rút đơn xin ly hôn nên được Tòa án đình chỉ vụ án tại Quyết định đình chỉ số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020.

Sau khi chị rút đơn thì anh X vẫn không thay đổi tính tình, vẫn tiếp tục ghen tuông mù quáng, tiếp tục đánh đập và kềm kẹp vào cổ của chị, đòi cắt cổ chị nên chị rất sợ. Chị không thể chung sống với anh X được nữa nên chị bỏ đi từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân giữa chị và anh X không hàn gắn được tình cảm, do anh X hăm dọa và đòi giết chị. Nay, chị yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn anh Phạm Thanh X.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc D, sinh ngày 21/02/1998 (đã trưởng thành) và Phạm Xuân S, sinh ngày 10/10/2007 (cháu S hiện đang sống với anh X).

Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung là Phạm Xuân S cho anh Phạm Thanh X nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con), chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất chiều ngang 05m, chiều dài 23m và nhà trên đất là căn nhà gỗ, mái lợp tol, vách tol, nền gạch bông, xây dựng năm 2008.

Diện tích đất nêu trên mua của mẹ chồng vào khoảng 08 năm trước; chiều ngang 05 m, chiều dài 10m, giá 10 triệu, mua giấy tay, hiện nay anh X đứng tên quyền sử dụng đất.

Diện tích đất còn lại nằm mặt tiền đường và giáp với phần đất phía sau mua của mẹ chồng, phần đất này mua của anh chồng thứ 2 vào khoảng 08 năm trước (không biết tên trong giấy) chiều ngang 5m, chiều dài 13m, giá 46.000.000 đồng. Đất hiện nay anh X đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Đối với phần đất và nhà hiện anh X đang quản lý, sử dụng. Về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản tiền, vàng như anh X trình bày.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ tiền hụi của chị Dương Thị Tuyết H số tiền là 87.000.000 đồng; Nợ tiền hụi của chị Thái Thị H số tiền là 76.000.000 đồng; nợ tiền vay của chị Nguyễn Thị Nga E số tiền là 62.000.000 đồng. Đây là tiền nợ chung của vợ chồng nhưng do anh X không thừa nhận nợ nên chị đồng ý tự nguyện đứng ra trả số tiền nợ này. Chị cũng đã thỏa thuận với chị H, chị H, chị Nga E để chị trả dần nên các chủ nợ cũng đồng ý và chị không yêu cầu Tòa án xem xét phần nợ này.

Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị có vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn trả trong 21 kỳ, mỗi kỳ trả 2.085.000 đồng, chị đã trả được 07 kỳ, số tiền còn lại chị tự trả cho phía Công ty, không liên quan đến anh X và chị cũng không yêu cầu Tòa án xem xét phần nợ này.

Anh X cho rằng vợ chồng có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội Đ số tiền là 50.000.000 đồng và yêu cầu chị trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này thì chị không đồng ý. Do số tiền này anh X vay để làm gì chị hoàn toàn không biết nên chị không đồng ý theo yêu cầu của anh X.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Thanh X trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Nhưng về mâu thuẫn gia đình không trầm trọng như chị H trình bày. Anh không dùng bạo lực gia đình với chị H. Tuy nhiên, do anh phát hiện chị H có qua lại với người đàn ông bên ngoài nên có xảy ra cãi vã với chị H, trong lúc nóng giận anh có lời, kéo tay và đánh chị H một bạt tay. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra thì chị H vẫn không biết ăn năn, hối lỗi mà vẫn lén qua lại với người đàn ông khác nên anh có lấy dao kề vào cổ chị H và có nói sẽ

cắt cổ nếu chị H không bỏ người đàn ông đó. Mục đích của anh chỉ để hù dọa chị H chấm dứt quan hệ trai gái với người đàn ông bên ngoài.

Sau khi được Tòa án hòa giải, động viên thì chị H có rút đơn xin ly hôn vào tháng 6 năm 2020 nhưng sau đó chị H lại tiếp tục bỏ nhà đi đâu anh không rõ và không liên lạc được nên không thể hàn gắn được tình cảm. Nay, chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Bởi vì, anh vẫn còn thương vợ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc D, sinh ngày 21/02/1998 (đã trưởng thành) và Phạm Xuân S, sinh ngày 10/10/2007 (cháu S hiện đang sống với anh X).

Trường hợp chị H cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Phạm Xuân S, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm 01 sợi dây chuyền vàng 18k 05 chỉ luôn mặt dây chuyền; 03 bộ vòng ximên vàng 18k là 10 chỉ; chiếc vòng đeo tay có 02 con kỳ lân bằng vàng 24k là 05 chỉ; 01 tấm lắc vàng 18k là 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k là 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn có hạt mỗi chiếc là 02 chỉ vàng 18k; tiền mặt có 250 triệu. Toàn bộ vàng và tiền nêu trên do chị H đang giữ. Còn tiền vợ giữ để cho vay tiền góp bao nhiêu thì anh không nắm.

Ngoài ra, vợ chồng có một căn nhà gỗ, lợp tol, nền sàn, 02 chiếc xe Honda, bàn, tủ ghế và các tài sản khác trong nhà (do anh đang quản lý); Về phần đất chị H trình bày là của mẹ anh là bà Lê Thị Ph cho cá nhân anh. Đối với tài sản thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay 50.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội Đ nên anh yêu cầu chị H trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Đ. Ngoài ra, vợ chồng không có nợ bất kỳ ai, nếu có nợ thì là nợ cá nhân chị H, không liên quan đến anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Tuyết H trình bày:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2021 bà H có ý kiến bà là vợ của X. Khoảng năm 2019 bà mở nhiều dây hụi, với số tiền khác nhau (không nhớ cụ thể). Nhưng chị H là người trực tiếp tham gia chơi hụi của bà với nhiều dây hụi và chơi nhiều chân hụi. Các dây hụi này đã kết thúc hụi xong từ lâu. Trong đó, chị H có hốt của bà nhiều chân hụi (không nhớ cụ thể từng dây và số tiền đóng và nộp bao nhiêu). Tuy nhiên, đến ngày 14/8/2020 (AL) giữa bà và chị H có ngồi lại để cộng lại số tiền mà H đã nợ bà trong đó có tiền nợ hụi và tiền mượn (mượn là 08 triệu, tiền hụi 98 triệu) tổng cộng H nợ bà là 105 triệu, có viết biên nhận do bà viết, H là người viết tên và ký tên. Đến nay chỉ trả được 03 triệu (trả mỗi lần 01 triệu).

Nay, bà yêu cầu Tòa án thành phố Cao Lãnh xem xét buộc chị Nguyễn

Thị H trả lại số tiền 102 triệu cho bà, chỉ yêu cầu cá nhân chị H, không yêu cầu đối với anh Phạm Thanh X, vì phần nợ này bà chỉ chơi và cho H mượn, Xuân không biết. Không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, tại Văn bản ý kiến của bà Dương Thị Tuyết H trình bày: Vợ chồng H và X có nợ bà số tiền 105.000.000 đồng, nay bà không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ kiện ly hôn của H và X mà để bà và vợ chồng H, X tự thỏa thuận phần nợ. Nếu sau này có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trình bày:

Tính đến thời điểm hiện tại, giữa Công ty H với chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X không phát sinh tranh chấp liên quan đến Hợp đồng.

Trong trường hợp vụ án liên quan đến chị H, anh X và Công ty H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do Công ty H không cử người đại diện tham gia quá trình xét xử vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc, xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Đối với khoản nợ hiện tại của chị H và anh X, Công ty H không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án. Trường hợp có bất kì tranh chấp nào phát sinh, Công ty H sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ việc độc lập.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Trần Hà Xuân P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với anh X. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài nhiều năm mà không hàn gắn được.

Về con chung: Chị H đồng ý giao con chung là cháu S cho anh X nuôi dưỡng, chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận với các chủ nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh X.

Về con: Giao con chung tên Phạm Xuân S cho anh X nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh X không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H và anh Xuân thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Do các chủ nợ không nợ đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con, nợ chung. Bị đơn anh Phạm Thanh X có địa chỉ: Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X được xác lập năm 2007, hôn nhân của anh chị là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cao Lãnh vào ngày 24/5/2007 nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vấn đề này được anh chị thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nhưng anh X không đồng ý ly hôn. Bởi vì, anh X muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Chị H cho rằng vào tháng 5 năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh X và được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý ngày 15/5/2020. Nguyên nhân chị nộp đơn ly hôn là do anh X thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị, vì anh X ghen tuông mù quáng nhưng sau khi Thẩm phán mời chị và anh X đến Tòa để hòa giải và động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhằm chăm lo cho các con. Do đó, chị đồng ý cho anh X một cơ hội sửa đổi tính tình và chị đã rút đơn xin ly hôn nên được Tòa án đình chỉ vụ án tại Quyết định đình chỉ số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020 nhưng sau khi chị rút đơn ly hôn để hàn gắn tình cảm thì anh X vẫn không thay đổi và còn dùng dao kè vào cổ chị, hăm dọa sẽ cắt cổ chị nên chị rất sợ và rất hoang mang nên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Chị H và anh X tiếp tục ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc anh X không đồng ý ly hôn nhưng không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn đe dọa đòi cắt cổ chị H, vấn đề này được anh X thừa nhận tại Tòa. Ngoài ra, năm 2020 vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã nộp đơn xin ly hôn nhưng đã được Tòa án động viên nên chị H đã rút đơn xin ly hôn để cho anh X một cơ hội sửa đổi tính tình nhằm chăm lo cho các con nhưng giữa chị H và anh X không hàn gắn được tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc D, sinh ngày 21/02/1998 (đã trưởng thành) và Phạm Xuân S, sinh ngày 10/10/2007 (cháu S hiện đang sống với anh X).

Anh X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Phạm Xuân S, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Như vậy, phù hợp với nguyện vọng của cháu Sang có nguyện vọng được sống chung với cha là anh X nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu S cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh X không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H cho rằng hiện nay vợ chồng còn nợ bà Thái Thị H (Bà H có nộp đơn khởi kiện nhưng đã rút đơn không yêu cầu Tòa án xem xét), bà Dương Thị Tuyết H, chị Nguyễn Thị Nga E, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H nhưng Tòa án đã có thông báo nhưng đến nay chỉ có chị Tuyết H, Công ty tài chính có văn bản không yêu cầu phân nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét bằng vụ kiện khác.

Anh X cho rằng vợ chồng có vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội Đ và yêu cầu chia đôi phần nợ nhưng Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng và đến nay Ngân hàng vẫn không nộp đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh X.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X.

Giao con chung tên Phạm Xuân S, sinh ngày 10/10/2007 cho anh Phạm Thanh X tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con, do anh Phạm Thanh X không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Do bà Thái Thị H, bà Dương Thị Tuyết H, chị Nguyễn Thị Nga E, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, Ngân hàng chính sách xã hội Đ không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007724 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Anh Phạm Thanh X không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- UBND xã M, TPCL
- (Số 33/KH ngày 24/5/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

“Để thi hành”

TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thơm

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Thơm